

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

Số: 65/TB-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đức Phổ, ngày 25 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO

Đề cương giám sát tình hình thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã; việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 80, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Quyết định số 65/QĐ-HĐND ngày 20/5/2022 của Ban Pháp chế HĐND thị xã Đức Phổ về thành lập Đoàn giám sát (kèm theo Kế hoạch giám sát) tình hình thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã; việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

Đoàn giám sát Ban Pháp chế HĐND thị xã Đức Phổ thông báo cho đơn vị chịu sự giám sát (UBND xã Phố Cường, UBND phường Phố Minh) biết và xây dựng báo cáo theo đúng Đề cương, gửi cho Đoàn giám sát chậm nhất đến ngày 02/6/2022.

Đề nghị UBND xã Phố Cường, UBND phường Phố Minh nghiêm túc thực hiện để đợt giám sát được triển khai theo kế hoạch./.

Nơi nhận:

- TTHĐND thị xã (b/c);
- Thành viên Đoàn giám sát;
- UBND xã Phố Cường;
- UBND phường Phố Minh;
- CVVP thị xã (Quý);
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN



Tô Thị Trúc
TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ HĐND

$$\begin{array}{c} \mathbb{Z}_2 \\ \oplus \\ \mathbb{Z}_2 \\ \oplus \\ \mathbb{Z}_2 \\ \oplus \\ \mathbb{Z}_2 \end{array}$$



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Giám sát tình hình thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND cấp xã; việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật
(Ban hành kèm theo Thông báo số 65/TB-HĐND ngày 10/5/2022
của Đoàn giám sát Ban Pháp chế HĐND thị xã Đức Phổ)

I. Đặc điểm tình hình

- Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội của địa phương và những điều kiện ảnh hưởng đến các nội dung giám sát.
- Đánh giá chung về tình hình kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo và những vấn đề bức xúc, nổi cộm trong thời gian qua ở địa phương. Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

1. Việc ban hành, phổ biến các văn bản triển khai thực hiện

- Việc tham mưu cho Đảng ủy ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo (*Số lượng, nội dung văn bản*).

- Việc ban hành nội quy, quy chế, kế hoạch triển khai thực hiện quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo (*Số lượng, nội dung văn bản*); việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn..

- Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Tiếp công dân; Luật Khiếu nại, Tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan (*số đợt thực hiện, thành phần, số lượng người tham gia*).

2. Việc đảm bảo các điều kiện tổ chức thực hiện

- Việc bố trí công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân; tham mưu xử lý và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

- Việc bố trí phòng tiếp công dân, trang bị phương tiện và các điều kiện làm việc cần thiết khác phục vụ công tác tiếp công dân.

- Việc thực hiện chế độ đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

III. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

1. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1.1. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận đơn qua tiếp công dân

- Tình hình công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh tại Trụ sở UBND xã, phường.

- Hình thức tiếp công dân: tiếp thường xuyên, tiếp định kỳ, tiếp đột xuất, tiếp lưu động (*kết quả cụ thể từng hình thức tiếp công dân*).

- Số lượt tiếp công dân và tiếp nhận đơn qua tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã, phường (*có số liệu cụ thể*):

+ Tổng số lượt công dân đã tiếp và số vụ việc công dân yêu cầu giải quyết; số vụ việc được giải thích, hướng dẫn trực tiếp; số vụ việc tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, trong đó: Số vụ việc mới phát sinh trong thời gian giám sát; số vụ việc có nội dung cũ đã được xem xét, giải quyết nay tiếp tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

+ Số đoàn đông người và số vụ việc đoàn đông người yêu cầu giải quyết, trong đó: Số vụ việc mới phát sinh trong mốc giám sát; số vụ việc có nội dung cũ đã được xem xét, giải quyết nay tiếp tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

+ Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm;

+ Số vụ việc đang được giải quyết;

+ Số vụ việc chưa được giải quyết dứt điểm; nguyên nhân và hướng xử lý.

+ Những vụ việc phức tạp nỗi cộm mà công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (số vụ việc, nội dung);

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc tiếp công dân.

- Công tác ban hành kết luận, giao nhiệm vụ qua các buổi tiếp công dân.

- Công tác cập nhật, lưu số theo dõi tiếp công dân.

1.2. Kết quả tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Tổng số đơn: Kỳ trước chuyển sang và tiếp nhận trong kỳ (gồm đơn tiếp nhận qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác nhau từ 01/01/2020 đến 31/3/2022)

+ Số đơn đã xử lý/ tổng số đơn tiếp nhận

+ Số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại;

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo;

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh;

+ Số đơn có nhiều nội dung khác nhau (đơn tranh chấp...)

- Phân loại đơn theo từng lĩnh vực (*đất đai, ché độ, chính sách, tư pháp....*):
- Công tác xử lý đơn:
 - + Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã, phường;
 - + Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã, phường;
 - + Số đơn lưu theo quy định;
 - + Số đơn không đủ điều kiện xử lý, trả hoặc hướng dẫn cho công dân.

1.3. Kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền

1.3.1. Kết quả giải quyết khiếu nại

- Tổng số đơn khiếu nại nhận được (kể cả tiếp nhận qua công tác tiếp công dân), trong đó:

- + Số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết; số đơn đã thụ lý; số đơn không thụ lý, lý do không thụ lý;
- + Số đơn không thuộc thẩm quyền; kết quả xử lý (chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trả lời, hướng dẫn cho người khiếu nại,...);
- + Các lĩnh vực phát sinh khiếu nại (có số liệu cụ thể).

- Kết quả giải quyết khiếu nại:

- + Số vụ việc đã giải quyết, kết quả giải quyết (khiếu nại đúng, khiếu nại sai, khiếu nại có đúng có sai). Số vụ việc đang giải quyết;

- + Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn, số vụ việc giải quyết quá thời hạn.

- Số quyết định giải quyết khiếu nại đã ban hành.

- Số vụ việc đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng người khiếu nại không đồng ý, tiếp tục khiếu nại lên cấp trên; kết quả giải quyết khiếu nại lần 2 của cấp trên. Số vụ người khiếu nại khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết vụ án hành chính; kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp (nếu có).

- Số vụ việc khiếu nại tồn đọng, kéo dài; nguyên nhân khiếu nại tồn đọng, kéo dài; hướng giải quyết (nêu cụ thể các vụ việc).

1.3.2. Kết quả giải quyết tố cáo

- Tổng số đơn tố cáo nhận được (kể cả đơn tiếp nhận qua công tác tiếp công dân; văn bản ghi lại nội dung tố cáo trực tiếp), trong đó:

- + Số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết; số đơn đã thụ lý; số đơn không thụ lý, lý do không thụ lý;

- + Số đơn không thuộc thẩm quyền; kết quả xử lý (chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền; trả lời, hướng dẫn cho người tố cáo,...);

- + Các lĩnh vực phát sinh tố cáo: Số vụ tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; số

vụ tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực (có số liệu cụ thể).

- Kết quả giải quyết tố cáo:

+ Số vụ việc đã giải quyết, kết quả giải quyết: tố cáo đúng, tố cáo sai, tố cáo có đúng có sai;

+ Số vụ việc đang giải quyết;

+ Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn, số vụ việc giải quyết quá thời hạn;

- Số vụ việc đã giải quyết theo thẩm quyền nhưng người tố cáo không đồng ý, tiếp tục gửi đơn tố cáo lên cấp trên; kết quả giải quyết tố cáo tiếp theo của cấp trên đối với vụ việc.

- Số văn bản giải quyết tố cáo đã ban hành.

- Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã nhưng người tố cáo đã tố cáo vượt cấp, cấp trên chuyển đến; số vụ việc tồn đọng, kéo dài; nguyên nhân tố cáo tồn đọng, kéo dài; hướng giải quyết (nêu cụ thể các vụ việc nếu có).

- Tình hình thực hiện các kết luận giải quyết tố cáo; xử lý người vi phạm pháp luật (nếu có).

- Tình hình thực hiện quy định về bảo vệ người tố cáo; thực hiện biện pháp bảo vệ bí mật thông tin; bảo vệ vị trí công tác, việc làm; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm.

1. 3.3. Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh

- Tổng số đơn kiến nghị, phản ánh nhận được được (kể cả tiếp nhận qua công tác tiếp công dân); trong đó: Số đơn thuộc thẩm quyền; số đơn không thuộc thẩm quyền; kết quả xử lý.

- Các lĩnh vực công dân kiến nghị, phản ánh (có số liệu cụ thể).

- Tổng số đơn kiến nghị, phản ánh đã giải quyết: thống kê số liệu theo mức giám sát, theo từng năm và theo từng cấp.

- Số đơn kiến nghị, phản ánh chưa giải quyết, lý do.

1.3.4. Đơn tồn đọng từ các năm trước chuyển sang (nếu có)

2. Việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn.

- Tổng số kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo phải tổ chức thực hiện (kể cả kết luận, quyết định của cấp trên giao cho địa phương).

- Số kết luận, quyết định đã thực hiện xong.

- Kết quả thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.

IV. Nhận xét, đánh giá kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế

1. Kết quả đạt được

1.1. Đánh giá về kết quả đạt được

- Nhận xét, đánh giá khái quát về kết quả đạt được, mức độ đạt được trong việc triển khai thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Nêu và đánh giá chung về trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã, phường trong việc thực hiện tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Nêu và đánh giá chung về tình hình thực hiện quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo. Việc giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Tình hình thực hiện quy định trình tự, thủ tục, nội dung, hình thức văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Trách nhiệm phối hợp của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.2. Nguyên nhân đạt được

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật; trong thực hiện trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trong việc bảo đảm các điều kiện thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;....

- Trong tiếp công tác công dân; tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; việc thi hành các kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn.

2.2. Nguyên nhân, tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.
- Khó khăn, vướng mắc.

V. Giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

